

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 34 /2022/DS-ST

Ngày 15 /07/2022.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

[1]. bà Đỗ Thị Ngoãn;

[2]. bà Lê Thị Thận;

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2021/DS-ST, ngày 10/06/2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 17 /2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng thương mại C P PT TP.HCM ;

Địa chỉ: 25 Bis, Nguyễn M K, P. B N – Q. 1 –TP. HCM

Người được ủy quyền: Bùi V Hg; sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ : 672, QL 14, P T P - TP. Đ Xi - tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: anh Hà Đ Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt)

chị Lương T V; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lương T V:

bà Lê T Á; sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/9/2009 anh Hà Đ Đ, chị Lương T V có vay nguyên đơn Ngân hàng thương mại C P PT TP.HCM số tiền 600.000.000đ, ngày giải ngân 02/10/2019, ngày đến hạn 01/9/2020, lãi suất 10,5%/ 1 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, mục đích vay phục vụ làm kinh tế gia đình. Hợp đồng tín dụng số 37071/19MN/HĐTD, khế ước nhận nợ số 37071/19MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/10/2019.

Khi vay có thế chấp tài sản quyền sử dụng đất, diện tích 896m², thửa đất số 211, tờ bản đồ 40, tọa lạc tại thôn 2, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CS 07054 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/9/2019, nhà và các công trình xây dựng trên đất, hợp đồng thế chấp số 29467/19MN/HĐBĐ ngày 30/9/2019.

Từ sau ngày 01/9/2020 mức lãi suất cho vay đã được ngân hàng điều chỉnh lên mức 10,9%/1 năm (tức 0,908%/1 tháng).

Tính đến ngày 21/10/2020 anh Hà Đ Đ, chị Lương T V còn nợ số tiền gốc 600.000.000đ, tiền lãi 40.196.754đ; Cụ thể như sau: Trong thời hạn vay từ ngày 02/10/2019 đến ngày 01/9/2020 thì tổng số tiền lãi 57.994.520đ, bị đơn đã trả được lãi 13.597.722đ, số tiền lãi còn lại chưa trả 26.396.798đ.

Tính đến ngày 21/10/2020 thì tiền lãi nợ quá hạn 50 ngày, lãi suất 10,9%/1 năm x 150% ra số tiền lãi 13.438.356đ;

Lãi chậm trả lãi của số tiền 26.396.798đ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 21/10/2020 là 50 ngày, mức lãi 10%/1 năm = 361.600đ. Như vậy tổng tiền lãi tính đến ngày 21/10/2020 là 40.196.754đ.

Từ ngày 22/10/2020 đến nay bị đơn chậm trả lãi của số tiền 26.396.798đ, mức lãi 10%/1 năm .

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu :

1/Bị đơn vợ chồng anh Hà Đ Đ, chị Lương T V phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000đ; tiền lãi 40.196.754đ tính đến ngày 21/10/2020, tiền lãi chậm trả của số tiền 26.396.798đ , lãi quá hạn từ ngày 22/10/2020 đến khi Tòa án xét xử theo hợp đồng đã ký.

2/ Bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi trả nợ xong.

3/ Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp.

Bị đơn chị Lương T V trình bày: Vợ chồng chị có vay tiền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại C P PT TP.HCM là đúng, có thế chấp tài sản là đúng, số nợ gốc và lãi là đúng, hiện tại chị không có khả năng trả nợ.

Đối với bị đơn anh Hà Đ Đ, mặc dù Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản ".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy ngày 30/9/2009 anh Hà Đ Đ, chị Lương T V có ký hợp đồng vay tiền với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển TP.HCM (HDBank), Hợp đồng tín dụng số 37071/19MN/HDTD, khế ước nhận nợ số 37071/19MN/HĐTD/KUNN01 ngày 01/10/2019, số tiền vay 600.000.000đ, ngày giải ngân 02/10/2019, ngày đến hạn 01/9/2021, lãi suất 10,5%/ 1 năm, mục đích vay phục vụ kinh tế gia đình. Từ sau ngày

01/9/2020 mức lãi suất cho vay đã được ngân hàng điều chỉnh lên mức 10.9%/1 năm, (tức 0,908%/1 tháng).

Khi vay có thể chấp tài sản quyền sử dụng đất, diện tích 896m², thửa đất số 211, tờ bản đồ 40, tọa lạc tại thôn 2, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 07054 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/9/2019; Nhà và các công trình xây dựng trên đất, hợp đồng thế chấp số 29467/19MN/HĐBĐ ngày 30/9/2019.

Tính đến ngày 21/10/2020 anh Hà Đ Đ, chị Lương T V còn nợ số tiền gốc 600.000.000đ; Lãi 40.196.754đ bị đơn chị Lương T V thừa nhận là đúng.

Đối với bị đơn anh Hà Đ Đ, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc anh Hà Đ Đ, chị Lương T V liên đới trả nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000đ.

Về tiền lãi: Tính đến ngày 21/10/2020 anh Hà Đ Đ, chị Lương T V còn nợ số tiền lãi 40.196.754đ bị đơn chị Lương T V thừa nhận là đúng.

Về tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/10/2020 đến nay 15/7/2022 là 20 tháng 23 ngày, mức lãi 0,908%/1 tháng x 150% = 1,36% /1 tháng và tính như sau:
600.000.000đ x 1,36% /1 tháng x là 20 tháng 23 ngày = 169.456.000đ.

Tiền chậm trả lãi của số tiền 26.396.798đ, mức lãi 10%/1 năm (tức 0,83%/1 tháng) từ ngày 22/10/2020 đến nay 15/7/2022 là 20 tháng 23 ngày :

26.396.798đ x 0,83%/1 tháng x 20 tháng 23 ngày = 4.549.797đ.

Tổng tiền lãi 40.196.754đ + 169.456.000đ + 4.549.797đ = 214.202.551đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi 814.202.551đ, cần buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn anh Hà Đ Đ, chị Lương T V liên đới nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 814.202.551đ nên tiền án phí là 36.426.076đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.803.935đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016334 ngày 10/6/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Hà Đ Đ, chị Lương T V phải liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại C P PT TP.HCM số tiền nợ gốc gốc 600.000.000đ;

Tổng tiền lãi 214.202.551đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 814.202.551đ.

Kể từ ngày 16/7/2022 bị đơn tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã ký kết, điều chỉnh, tương ứng với số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định pháp luật.

[2]. Về án phí: Bị đơn anh Hà Đ Đ, chị Lương T V phải liên đới nộp tiền án phí DSST là 36.426.076đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.803.935đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016334 ngày 10/6/2021.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Dương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

